

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11/01/2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Hoàng Văn Thành.**

* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**

2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh.**

* *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*

Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Đoàn Thị B**, sinh năm 1988

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 15, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* **Anh Vũ Đình L**, sinh năm 1982

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

(Chị B, anh L đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2018 và Bản tự khai ngày 03/12/2018 chị Đoàn Thị B nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Vũ Đình L ngày 23/01/2008 do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng

10/2009 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với anh Vũ Đình L.

* *Về con chung*: Chị và anh L có 01 con chung là Vũ Đình Q, sinh ngày 20/02/2009, hiện con đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản*: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 03/12/2018 anh Vũ Đình L là bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh kết hôn với chị Đoàn Thị B ngày 23/01/2008 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường nhưng đến khi sinh con Vũ Đình Q thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lạnh nhạt với nhau và chị B đã đưa con về bên ngoại sinh sống từ năm 2009, anh đã tìm gọi chị B về nhưng chị B không về, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay và không có mối quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

* *Về con chung*: Anh và chị B có 01 con chung là Vũ Đình Q, sinh ngày 20/02/2009, hiện con đang ở với chị B. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản*: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nhưng hiện đang sinh sống tại thôn 6, xã Lo, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên anh L đã có đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

Chị Đoàn Thị B và anh Vũ Đình L đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị B kết hôn với anh Vũ Đình L ngày 23/01/2008 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị B và anh L đã sống ly thân từ tháng 10/2009 đến nay. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin được ly hôn với anh Vũ Đình L.

[2.1] Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2018 UBND xã Đ và cơ sở thôn Tây T, xã Đ cung cấp: Chị Đoàn Thị B và anh Vũ Đình L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 23/01/2008. Sau khi kết hôn chị B, anh L chung sống cùng gia đình nhà anh L ở thôn T, xã Đ được khoảng hơn 1 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Nam Định sinh sống, còn anh L thì đi làm ăn xa. Anh L thỉnh thoảng vẫn về quê ở thôn T, xã Đ nhưng vợ chồng không sống cùng nhau. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh L cũng đã có ý kiến đồng ý nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh L; Về con chung: Anh L và chị B có 01 con chung là Vũ Đình Q, sinh ngày 20/02/2009, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Trên cơ sở ý kiến của chị B, anh L và chính quyền địa phương, HĐXX thấy rằng: Anh L, chị B đã có mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2009 đến nay, không quan tâm, hỏi han đến nhau. Vì vậy xác định tình trạng hôn nhân giữa chị B, anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị B xin ly hôn với anh L cần được chấp nhận theo yêu cầu của chị B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị B và anh L có 01 con chung là Vũ Đình Q, sinh ngày 20/02/2009, hiện con đang ở với chị B. Ly hôn chị B có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con nên để đảm bảo quyền lợi cũng như không làm thay đổi cuộc sống của cháu Vũ Đình Q, ngoài ra cháu Vũ Đình Q cũng có đơn đề nghị xin được ở với chị B. Vì vậy cần giao con Vũ Đình Q cho chị Đoàn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vũ Đình Q và chấp nhận việc chị B không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản:* Chị B và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Đoàn Thị B chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35, 39; 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị B được ly hôn anh Vũ Đình L.

2. Về con chung: Xử giao con chung Vũ Đình Q, sinh ngày 20/02/2009 cho chị Đoàn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị B không yêu cầu anh L

phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị B và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007811 ngày 03/12/2018 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THÀNH